TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Ông Mai Văn Triển;

Bà Đặng Thị Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 25/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Chế Hoàng Q, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vu án nguyên đơn anh Chế Hoàng Q trình bày:

Anh Q và chị G chung sống vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Bản án số: 19/2016/HNGĐ-ST ngày 27-5-2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn anh và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trong thời kỳ hôn nhân anh Q và chị G có những tài sản chung gồm:

- 01 phần đất diện tích 196 m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ 32, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh và chị G đứng tên; trên đất có căn nhà xây cấp 4A diện tích 90,6 m^2. Nguồn gốc của phần đất là do cha, mẹ của chị G cho, còn căn nhà là của mẹ anh cho 70.000.000 đồng và vợ chồng thêm tiền vào để xây. Hiện nay chị G đang quản lý và cùng hai con chung của anh và chị G ở trên căn nhà này;

- 01 phần đất ruộng 7.957 m^2 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do anh và chị G nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Kvà bà Trần Thị T vào năm 2007. Trong diện tích đất này có 4.540 m^2 đất thuộc thửa 546, tờ bản đồ số 6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh và chị G đứng tên; còn lại diện tích 3.417 m^2 Uỷ ban nhân dân huyện T cấp lộn qua cho ông Nguyễn Văn B đứng tên. Hiện nay trên phần đất này là đất trống;

- 01 phần đất ruộng diện tích 6.250 m^2 thuộc thửa số 2884, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh và chị G đứng tên. Nguồn gốc đất này do cha, mẹ chị G cho, hiện trạng đất hiện nay là đất trống;

- 02 con bò đực hiện anh đang quản lý, sử dụng.

Đối với phần tài sản chị G khởi kiện yêu cầu chia gồm: 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080, 01 chiếc xe bò kéo, 01 chiếc máy dầu mua vào năm 2014. Hiện nay anh Q đang quản lý, sử dụng những tài sản này, riêng máy dầu anh Q đã bán. Nay chị G yêu cầu chia đôi số tài sản chung này, anh Q đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 25-4-2017 anh Q yêu cầu được nhận những tài sản mà anh đang quản lý, sử dụng gồm: 01 chiếc máy dầu hiệu SS80 (anh đã bán); 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080; 01 chiếc xe bò kéo; 02 con bò đực kéo và 01 phần đất ruộng diện tích 7.957 m^2 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh đồng ý để chị G được nhận các tài sản còn lại gồm: 01 phần đất diện tích 196 m^2 trên phần đất này có 01 căn nhà xây tường cấp 4A và 01 phần đất diện tích 6.250 m^2, cả 02 phần đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T.

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Ngọc G trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Q về những tài sản chung đúng của vợ chồng. Ngoài ra vợ chồng còn có các tài sản chung gồm: 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080, 01 chiếc xe bò kéo, 01 chiếc máy dầu mua vào năm 2014. Những tài sản này anh Q đang quản lý sử dụng, còn chiếc máy dầu anh Q đã bán.

Chị không đồng ý chia các tài sản gồm: 01 phần đất diện tích đất 196 m^2 và căn nhà trên đất; 01 phần đất ruộng diện tích 6.250 m^2 vì đây là tài sản chung do cha, mẹ ruột chị cho đất; còn mẹ anh Q cho 70.000.000 đồng, chị và anh Q thêm tiền vào để xây nhà ở trên đất nên tài sản này chị để lại cho 02 con chị. Những tài sản khác gồm: Phần đất ruộng diện tích 7.957 m^2 chị đồng ý chia hai; còn lại 01 chiếc máy dầu, 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080, 01 chiếc xe bò kéo và 02 con bò đực nếu anh Q có nguyện vọng nhận những tài sản này thì anh Q thanh toán lại cho chị một nửa trị giá tài sản.

Về nợ chung: Chị và anh Q có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T 20.000.000 đồng, chị đã trả xong yêu cầu anh Q trả lại cho chị 10.000.000 đồng. Sau đó chị G có đơn rút lại yêu cầu này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông có phần đất ruộng giáp với phần diện tích đất 7.957 m^2 mà anh Q, chị G quản lý sử dụng. Tuy nhiên, phần diện tích khoảng 3.417 m^2 do anh Q, chị G quản lý sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện T cấp lộn thửa trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Nay anh Q, chị G yêu cầu chia phần diện tích đất nêu trên ông không có ý kiến gì. Ông sẽ tự liên hệ với anh Q, chị G đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh cho đúng số thửa để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q, chị G.

Tại Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 33, 34, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 9 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa XII.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Chế Hoàng Q đối với chị Phạm Thị Ngọc G và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc G chia tài sản chung đối với anh Chế Hoàng Q.

Chia cho anh Chế Hoàng Q được quyền sử dụng các tài sản:

- Phần đất diện tích đo đạc thực tế là 7.951,2 m^2, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trong đó có diện tích 4.540 m^2 thuộc thửa 546, tờ bản đồ số 6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01360 ngày 14-5-2007 do anh Q và chị G đứng tên, nhưng qua đo đạc thực tế chỉ có diện tích 4.480,2 m^2; còn lại diện tích 3.471 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn B đứng tên, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường đất, dài 121,59 m;

Hướng Tây giáp đất ông Trường, dài 103,96 m;

Hướng Nam giáp đất ông Dân, dài 73,20 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Bằng, dài 69,12 m.

- 02 con bò đực kéo, màu vàng; 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080 do anh Q đứng tên; 01 chiếc xe bò kéo bằng sắt; 01 chiếc máy dầu (Anh Q đã bán). Toàn bộ các tài sản này anh Q đang quản lý, sử dụng.

Tổng giá trị tài sản anh Q được chia là: 441.804.000 đồng (bốn trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng).

Anh Chế Hoàng Q được đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất mà anh được nhận khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số: 1562/SĐ-HT ngày 08-12-2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện T).

Chia cho chị Phạm Thị Ngọc G được quyền sử dụng các tài sản:

- Phần đất diện tích 196 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích đo đạc thực tế là 199,2 m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số: CH02151 ngày 06-8-2013, do anh Q và chị G đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trung, dài 8,88 m;

Hướng Tây giáp đường xe, dài 9,81 m;

Hướng Nam giáp đất ông Hiếu, dài 22,35 m;

Hướng Bắc giáp đất đường xe, dài 20,5 m.

Trên đất có căn nhà xây cấp 4A diện tích 90,6 m^2 đặc điểm: Mái lợp tôn kẽm, đòn tay gỗ, trần bằng tôn lạnh, cột tường xây gạch ống, bên trong sơn bê, ngoài tô xi măng, nền lát gạch men, cửa đi, cửa sổ khung sắt kính, chất lượng còn lại 70%. Tổng giá trị đất và nhà 420.035.000 đồng.

- Phần diện tích 6.250 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích đo đạc thực tế 7.706,8 m^2, thuộc thửa số 2884, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00508 ngày 11-01-2011, do anh Q và chị G đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Giấy, dài 87,31 m;

Hướng Tây giáp đất ông Trường, dài 87,01 m;

Hướng Nam giáp đất ông Trường, dài 102,49 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Tập, dài 104,91 m.

Trị giá phần đất 331.392.400 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị G được chia là: 751.427.400 đồng (bảy trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số: 1561, 1563,/SĐ-HT ngày 08-12-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện T).

2. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 20.000.000 đồng

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Chị Phạm Thị Ngọc G có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chế Hoàng Q chi phí đo đạc là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, bị đơn chị Phạm Thị Ngọc G có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu được nhận phần đất 7.951 m^2 giao lại cho anh Q phần đất 6.250 m^2 vì đất này điều kiện đi lại khó khăn, chị là phụ nữ phải nuôi hai con còn đi học.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị G giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị G; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các tài sản chung của chị G, anh Q được cấp sơ thẩm phân chia, theo đó, chị G được hưởng phần tài sản có giá trị chiếm gần bằng 2/3 khối tài sản chung của vợ chồng. Khi phân chia tài sản chung, anh Q đã tự nguyện nhận khối tài sản có giá trị ít hơn so với chị G; đồng thời, cấp sơ thẩm đã xem xét đến công sức đóng góp, nguồn gốc hình thành khối tài sản và các yếu tố về nghề nghiệp của mỗi bên để phân chia tài sản phù hợp với điều kiện sản xuất. Chị G thống nhất về số lượng và giá trị các tài sản được chia nhưng cho rằng phần đất ruộng chị được chia diện tích 6.250 m^2 tọa lạc tại ấp G, xã T có vị trí không thuận lợi cho việc đi lại sản xuất, cụ thể đất nằm cách xa đường giao thông và nhà ở khoảng 03 đến 04 km. Tuy nhiên, xét thấy, phần đất 6.250 m^2 có nguồn gốc của cha mẹ chị G tặng cho chị G, anh Q trong thời kỳ hôn nhân, liền thửa với các phần đất ruộng của những người họ hàng, thân thích với chị G nên việc sản xuất sẽ thuận lợi hơn so với anh Q. Phần đất chị G yêu cầu được nhận cũng cách xa nhà chị đang ở khoảng 01 đến 02 km. Do đó, cấp sơ thẩm phân chia cho chị G phần đất ruộng có diện tích 6.250 m^2 là phù hợp, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị G không được Tòa án chấp nhận nên chị G phải chịu áp phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 33, 34, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc G

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Chế Hoàng Q đối với chị Phạm Thị Ngọc G và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc G chia tài sản chung đối với anh Chế Hoàng Q.

Chia cho anh Chế Hoàng Q được quyền sử dụng các tài sản:

- Phần đất diện tích đo đạc thực tế là 7.951,2 m^2, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trong đó có diện tích 4.540 m^2 thuộc thửa 546, tờ bản đồ số 6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01360 ngày 14-5-2007 do anh Q và chị G đứng tên, nhưng qua đo đạc thực tế chỉ có diện tích 4.480,2 m^2; còn lại diện tích 3.471 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn B đứng tên, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường đất, dài 121,59 m;

Hướng Tây giáp đất ông Trường, dài 103,96 m;

Hướng Nam giáp đất ông Dân, dài 73,20 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Bằng, dài 69,12 m.

- 02 con bò đực kéo, màu vàng; 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70T1 – 7080 do anh Q đứng tên; 01 chiếc xe bò kéo bằng sắt; 01 chiếc máy dầu (anh Q đã bán). Toàn bộ các tài sản này anh Q đang quản lý, sử dụng.

Tổng giá trị tài sản anh Q được chia là: 441.804.000 đồng (bốn trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm linh bốn nghìn đồng).

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số 1562/SĐ-HT ngày 08-12-2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện T).

Chia cho chị Phạm Thị Ngọc G được quyền sử dụng các tài sản:

- Phần đất diện tích 196 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích đo đạc thực tế là 199,2 m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02151 ngày 06-8-2013 do anh Q và chị G đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trung, dài 8,88 m;

Hướng Tây giáp đường xe, dài 9,81 m;

Hướng Nam giáp đất ông Hiếu, dài 22,35 m;

Hướng Bắc giáp đất đường xe, dài 20,5 m.

Trên đất có căn nhà xây cấp 4A diện tích 90,6 m^2 đặc điểm: Mái lợp tôn kẽm, đòn tay gỗ, trần bằng tôn lạnh, cột tường xây gạch ống, bên trong sơn bê, ngoài tô xi măng, nền lát gạch men, cửa đi, cửa sổ khung sắt kính, chất lượng còn lại 70%. Tổng giá trị đất và nhà 420.035.000 đồng.

- Phần diện tích 6.250 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích đo đạc thực tế 7.706.8 m^2, thuộc thửa số 2884, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00508 ngày 11-01-2011 do anh Q và chị G đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Giấy, dài 87,31 m;

Hướng Tây giáp đất ông Trường, dài 87,01 m;

Hướng Nam giáp đất ông Trường, dài 102,49 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Tập, dài 104,91 m.

Trị giá phần đất 331.392.400 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị G được chia là: 751.427.400 đồng (bảy trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số: 1561, 1563,/SĐ-HT ngày 08-12-2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện T).

3. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Chị Phạm Thị Ngọc G có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chế Hoàng Q chi phí đo đạc là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Án phí sơ thẩm dân sự:

- Anh Chế Hoàng Q phải chịu 21.672.000 đồng (hai mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.375.000 đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0003493 ngày 10-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh, anh Q còn phải nộp 12.297.000 đồng (mười hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Chị Phạm Thị Ngọc G phải chịu 34.057.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai số: 0003648 ngày 28-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị G còn phải nộp tiếp 33.732.000 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số: 0004268 ngày 26-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Tân Biên;
- CCTHADS h. T;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

\